

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA

Km số 2, Đại lộ Lênin, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 23

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA

Km số 2, Đại lộ Lenin, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần SARA (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Khắc Hùng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Đính	Ủy viên
Ông Lê Văn Hạnh	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 03/07/2010)
Ông Thái Sỹ Oai	Ủy viên
Ông Trần Khắc Lợi	Ủy viên
Ông Vũ Duy Sơn	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 03/07/2010)

Ban Giám đốc

Bà Lưu Thị Thu Hiền	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/08/2010)
Ông Vũ Duy Sơn	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/08/2010)
Ông Thái Sỹ Oai	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Đính	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Khắc Hùng	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA

Km số 2, Đại lộ Lenin, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Lưu Thị Thu Hiền

Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2010

BÁO CÁO SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010
của Công ty Cổ phần SARA

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần SARA**

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30/06/2010, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần SARA (sau đây gọi tắt là “Công ty”) cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 được lập ngày 14/08/2010 từ trang 05 đến trang 23. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc từ trang 2 đến trang 3, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến soát xét về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc soát xét.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910- Công tác soát xét Báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán

Hạn chế về phạm vi soát xét

Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với các khoản công nợ phải thu theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tại ngày phát hành báo cáo này, Công ty chưa cung cấp được các tài liệu cần thiết chứng minh bản chất và giá trị của các khoản đầu tư dài hạn khác với giá trị 29.732.047.292 đồng được trình bày trên mục Đầu tư dài hạn khác với mã số 258 trên Bảng Cân đối kế toán.

BÁO CÁO SOÁT XÉT (Tiếp theo)

Ý kiến

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề nêu ra ở mục hạn chế về phạm vi soát xét trên đây, chúng tôi không thấy có sự kiện nào khác để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010, phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Lê Xuân Thắng

Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0043/KTV

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
TÀI CHÍNH**

Ngày 14 tháng 8 năm 2010

Phạm Tiến Dũng

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0747/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

MẪU B 01a-DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		19.003.309.425	17.559.935.997
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.028.719.102	554.206.362
1. Tiền	111	V.1	1.028.719.102	554.206.362
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.121.800.000	1.121.800.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	1.121.800.000	1.121.800.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		14.175.450.377	12.929.467.542
1. Phải thu khách hàng	131		3.423.848.938	3.576.521.600
2. Trả trước cho người bán	132		8.707.161.614	7.326.116.098
5. Các khoản phải thu khác	135		2.044.439.825	2.026.829.844
IV. Hàng tồn kho	140	V.3	691.444.317	523.294.934
1. Hàng tồn kho	141		691.444.317	523.294.934
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.985.895.629	2.431.167.159
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		140.532.301	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		55.234.124	50.203.696
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.4	45.996.049	60.877.342
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.5	1.744.133.155	2.320.086.121
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		48.506.490.921	49.233.771.126
II. Tài sản cố định	220		17.309.028.267	18.195.453.764
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	12.659.458.475	13.239.635.199
- Nguyên giá	222		17.595.060.733	17.595.060.733
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.935.602.258)	(4.355.425.534)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	4.217.170.454	4.618.772.727
- Nguyên giá	228		6.409.272.727	6.409.272.727
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.192.102.273)	(1.790.500.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8	432.399.338	337.045.838
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		29.732.047.292	29.732.047.292
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.9	29.732.047.292	29.732.047.292
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.465.415.362	1.306.270.070
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.465.415.362	1.306.270.070
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		67.509.800.346	66.793.707.123

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

MẪU B 01a-DN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
A- NỢ PHẢI TRẢ	300		5.210.983.972	5.657.589.708
I. Nợ ngắn hạn	310		4.676.756.714	4.623.362.450
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	600.096.884	-
2. Phải trả người bán	312		2.044.686.437	2.565.724.884
3. Người mua trả tiền trước	313		889.758.921	646.931.421
5. Phải trả người lao động	315		199.402.740	226.308.405
6. Chi phí phải trả	316		-	4.550.000
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.11	841.510.547	977.480.228
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		101.301.185	202.367.512
II. Nợ dài hạn	330		534.227.258	1.034.227.258
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.12	500.000.000	1.000.000.000
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		34.227.258	34.227.258
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		62.298.816.374	61.136.117.415
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	62.298.816.374	61.136.117.415
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		61.087.750.000	61.087.750.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		559.272.752	559.272.752
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		517.457.821	517.457.821
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		134.335.801	(1.028.363.158)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		67.509.800.346	66.793.707.123

Lưu Thị Thu Hiền
Tổng Giám đốc
Ngày 14 tháng 8 năm 2010

Đào Thị Trà
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

MẪU B 02a-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	6.137.571.639	3.647.393.498
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	6.137.571.639	3.647.393.498
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	2.216.537.394	1.557.561.493
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.921.034.245	2.089.832.005
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		714.714	22.281.737
7. Chi phí tài chính	22		34.457.976	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		34.457.976	-
8. Chi phí bán hàng	24		51.818.737	101.452.658
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.688.458.994	2.056.346.887
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.147.013.252	(45.685.803)
11. Thu nhập khác	31		30.567.000	103.055.000
12. Chi phí khác	32		-	1.190.000
13. Lợi nhuận khác	40		30.567.000	101.865.000
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.177.580.252	56.179.197
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.3	14.881.293	14.044.799
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.162.698.959	42.134.398
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.4	190	7

Lưu Thị Thu Hiền
Tổng Giám đốc
Ngày 14 tháng 8 năm 2010

Đào Thị Trà
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

MẪU B 03a-DN
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	6.646.559.683	3.085.995.590
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(3.064.670.144)	(1.225.853.426)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(732.812.741)	(728.466.782)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(34.457.976)	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	-	(31.782.258)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.811.504.875	555.295.894
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(3.072.876.118)	(2.314.686.508)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.553.247.579	(659.497.490)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(228.734.839)	(144.336.628)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(228.734.839)	(144.336.628)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(850.000.000)	(500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(850.000.000)	(500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	474.512.740	(1.303.834.118)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	554.206.362	1.816.032.266
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	1.028.719.102	512.198.148

Lưu Thị Thu Hiền
Tổng Giám đốc
Ngày 14 tháng 8 năm 2010

Đào Thị Trà
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ MÃ SỐ B 09-DN
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần SARA (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Cổ phần Đào tạo và Phát triển Công nghệ Thông tin Quốc gia, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703000128 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 06/06/2003. Hiện nay, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900556890 ngày 06/07/2009 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An.

Vốn Điều lệ của Công ty hiện nay là: 85.000.000.000 đồng (Tám lăm tỷ đồng chẵn).

Danh sách cổ đông sáng lập:

<u>TT</u>	<u>Tên cổ đông</u>	<u>Số cổ phần</u>
1	Trần Khắc Hùng	4.335.000
2	Đình Văn Cường	20.000

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Km số 2, Đại lộ Lenin, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Các chi nhánh:

Chi nhánh Khách sạn SARA Thành Vinh: Km số 2, Đại lộ Lenin, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Chi nhánh SARA Hitech: Km số 2, Đại lộ Lenin, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Lĩnh vực kinh doanh

- Đào tạo và phát triển công nghệ thông tin, ngoại ngữ, liên kết đào tạo với các tổ chức có chức năng;
- Sản xuất phần mềm tin học;
- Tư vấn du học, hướng nghiệp, kinh doanh bất động sản;
- Đại lý, mua bán, ký gửi, hàng hóa;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ ăn uống đầy đủ, dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế;
- Vận tải hành khách đường bộ (theo hợp đồng, khách du lịch, bằng xe taxi), cho thuê xe ô tô;
- Lắp đặt, cung cấp, sửa chữa các loại máy văn phòng, máy vi tính và các thiết bị ngoại vi;
- Kinh doanh dịch vụ thể thao, hoạt động của cá đội và câu lạc bộ bóng đá;
- Sản xuất, mua bán nước uống tinh khiết;
- Dịch vụ quảng cáo thương mại;
- Dịch vụ đào tạo người dẫn chương trình, người mẫu;
- Dịch vụ hoạt động biểu diễn văn hóa, nghệ thuật;
- Thiết kế tạo mẫu thời trang;
- Sản xuất chương trình quảng cáo;
- Dịch vụ tư vấn dự thi hoa hậu, người mẫu;
- Xây dựng các công trình: dân dụng, giao thông và thủy lợi, điện năng (đường dây và trạm biến áp, hệ thống điện chiếu sáng, điện dân dụng, điện công nghiệp);
- Kinh doanh dịch vụ bảo vệ;
- Đào tạo bảo vệ - vệ sĩ;
- Đầu tư xây dựng và cho thuê nhà ở, văn phòng làm việc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MÃU SỐ B 09-DN
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập để công bố thông tin đối với tổ chức niêm yết theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được lập theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính.

Ngày 31/12/2009, Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT - BTC về hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp có hiệu lực áp dụng từ ngày 15/02/2010. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Công ty đã thực hiện phân loại một số chỉ tiêu phù hợp theo hướng dẫn sửa đổi bổ sung của Bộ tài chính trong Thông tư này.

Công ty đã thực hiện các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Nhà nước ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng Chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Công ty áp dụng sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các tài sản khác có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng dễ dàng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít có rủi ro liên quan đến việc chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MÃ SỐ B 09-DN
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá hàng xuất kho được xác định theo phương pháp giá bình quân gia quyền quý.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hữu hình hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc thiết bị	03 - 06
Phương tiện vận tải	07 - 08
Dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định khác	03 - 05

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001/2000 và các phần mềm quản lý của Công ty thực hiện khấu hao theo phương pháp đường thẳng với hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001/2000 là 5 năm và các phần mềm quản lý là 8 năm.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi vay và các khoản chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc xây dựng hoặc đầu tư tài sản cố định được vốn hoá vào giá trị tài sản hoặc công trình nếu đủ điều kiện vốn hoá theo quy định. Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Ghi nhận doanh thu và chi phí

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có thể thu hồi được các lợi ích kinh tế và có thể được xác định một cách chắc chắn. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua, được người mua chấp nhận thanh toán.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MÃU SỐ B 09-DN
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Thuế

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 27/UDDT-NA ngày 04/11/2003 do Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An cấp thì: Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian 2 năm và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế đối với hoạt động khai thác khu giăng đường và ký túc xá sinh viên. Năm 2010 là năm thứ 5 Công ty được hưởng quy chế ưu đãi này, theo đó Công ty được miễn 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đối với hoạt động đầu tư và khai thác khu giăng đường và ký túc xá sinh viên.

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MÃ SỐ B 09-DN
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt	94.668.015	479.274.833
Tiền gửi ngân hàng	934.051.087	74.931.529
Cộng	1.028.719.102	554.206.362

2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Công ty CP Dược Nghệ An	1.121.800.000	1.121.800.000
Cộng	1.121.800.000	1.121.800.000

3. Hàng tồn kho

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	65.895.000	-
Hàng hoá	625.549.317	523.294.934
Cộng giá gốc hàng tồn kho	691.444.317	523.294.934
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện	691.444.317	523.294.934

4. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	45.996.049	60.877.342
Cộng	45.996.049	60.877.342

5. Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tạm ứng	1.744.133.155	2.320.086.121
Cộng	1.744.133.155	2.320.086.121

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2010	15.305.002.312	1.107.791.740	761.447.818	282.543.633	138.275.230	17.595.060.733
Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2010	<u>15.305.002.312</u>	<u>1.107.791.740</u>	<u>761.447.818</u>	<u>282.543.633</u>	<u>138.275.230</u>	<u>17.595.060.733</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2010	2.852.181.509	1.064.285.327	205.789.689	171.439.781	61.729.228	4.355.425.534
Khấu hao trong năm	474.382.660	28.196.913	49.872.023	10.364.271	17.360.857	580.176.724
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2010	<u>3.326.564.169</u>	<u>1.092.482.240</u>	<u>255.661.712</u>	<u>181.804.052</u>	<u>79.090.085</u>	<u>4.935.602.258</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2010	<u>12.452.820.803</u>	<u>43.506.413</u>	<u>555.658.129</u>	<u>111.103.852</u>	<u>76.546.002</u>	<u>13.239.635.199</u>
Tại ngày 30/06/2010	<u>11.978.438.143</u>	<u>15.309.500</u>	<u>505.786.106</u>	<u>100.739.581</u>	<u>59.185.145</u>	<u>12.659.458.475</u>

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.078.407.921 đồng.
- Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để cầm cố, thế chấp đảm bảo cho các khoản vay: 5.357.588.762 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MÃU SỐ B 09-DN
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

7. Tài sản cố định vô hình

	Tài sản cố định vô hình khác VND	Hệ thống quản lý ISO VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2010	6.382.000.000	27.272.727	6.409.272.727
Tại ngày 30/06/2010	6.382.000.000	27.272.727	6.409.272.727
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2010	1.790.500.000	-	1.790.500.000
Khấu hao trong năm	398.875.000	2.727.273	401.602.273
Tại ngày 30/06/2010	2.189.375.000	2.727.273	2.192.102.273
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2010	4.591.500.000	27.272.727	4.618.772.727
Tại ngày 30/06/2010	4.192.625.000	24.545.454	4.217.170.454

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
Xây dựng trường học tại Lào	265.721.156	214.800.656
Sửa chữa lớn tài sản cố định	86.285.194	41.852.194
Chi phí khác của trường học	80.392.988	80.392.988
Cộng	432.399.338	337.045.838

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MÃ SỐ B 09-DN
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

9. Đầu tư dài hạn khác

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Công ty CP truyền hình Cáp Nghệ An	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty CP thương mại Hải Đăng (*)	450.000.000	450.000.000
Công ty CP Vinaken (*)	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty CP đầu tư xây dựng SARA 425 (*)	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty CP đầu tư và phát triển công nghệ SARA (*)	4.400.000.000	4.400.000.000
Công ty CP viễn thông SARA	1.700.000.000	1.700.000.000
Công ty CP vận tải biển Đà Nẵng	787.500.000	787.500.000
Công ty CP Trung Long	1.650.514.800	1.650.514.800
Công ty CP SARA Hitech	2.194.032.492	2.194.032.492
Công ty CP Media (*)	1.800.000.000	1.800.000.000
Công ty CP đầu tư CK SARA (*)	3.900.000.000	3.900.000.000
Công ty CP Vinawine (*)	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty CP Hùng Phát (*)	3.850.000.000	3.850.000.000
Cộng	29.732.047.292	29.732.047.292

(*) Tại ngày 30/06/2010, các khoản đầu tư tại các công ty này chưa được trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính.

10. Vay và nợ ngắn hạn

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Nghệ An	600.096.884	-
Cộng	600.096.884	-

Là số dư của khoản vay theo hợp đồng vay số 01/2010/HD ngày 18/01/2010 của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Nghệ An, thời hạn vay là 6 tháng, lãi suất 12%/năm.

11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	15.573.768	15.573.768
Bảo hiểm xã hội	24.152.523	88.976.981
Cổ tức phải trả	53.088.220	53.088.220
Công ty CP Sara Việt Nam	499.835.000	-
Bà Trần Thị Hương	100.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	148.861.036	819.841.259
Cộng	841.510.547	977.480.228

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MÃU SỐ B 09-DN
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

12. Vay và nợ dài hạn

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay dài hạn	500.000.000	1.000.000.000
<i>Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Nghệ An</i>	<i>500.000.000</i>	<i>1.000.000.000</i>
Cộng	500.000.000	1.000.000.000

Là số dư của khoản vay theo hợp đồng tín dụng trung hạn số 03/2005/HD ngày 29/08/2005 của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Nghệ An với giá trị 5.000.000.000 đồng được sử dụng để đầu tư xây dựng giảng đường, trường học 5 tầng, có thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày nhận món vay đầu tiên. Lãi suất xác định cho kỳ hạn 6 tháng 1 lần, lãi suất 0,86%/tháng được áp dụng đến ngày 16/01/2006, lãi suất các kỳ hạn tiếp theo được xác định bằng lãi tiền gửi tiết kiệm bằng VND cho kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau cộng phí ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh.

13. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (*)	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2009	61.087.750.000	565.272.752	517.457.821	30.166.747	62.200.647.320
- Lỗi trong năm trước	-	-	-	(1.058.529.905)	(1.058.529.905)
- Giảm khác	-	(6.000.000)	-	-	(6.000.000)
Tại ngày 31/12/2009	61.087.750.000	559.272.752	517.457.821	(1.028.363.158)	61.136.117.415
Tại ngày 01/01/2010	61.087.750.000	559.272.752	517.457.821	(1.028.363.158)	61.136.117.415
- Lãi trong kỳ	-	-	-	1.162.698.959	1.162.698.959
Tại ngày 30/06/2010	61.087.750.000	559.272.752	517.457.821	134.335.801	62.298.816.374

(*) Công ty chưa thực hiện góp đủ vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hiện hành. Số vốn điều lệ còn thiếu so với Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 23.912.250.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MÃU SỐ B 09-DN
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

b. Cổ phiếu

	30/06/2010	01/01/2010
	Cổ phần	Cổ phần
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	8.500.000	8.500.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	6.108.775	6.108.775
+ Cổ phiếu thường	6.108.775	6.108.775
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu thường	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.108.775	6.108.775
+ Cổ phiếu thường	6.108.775	6.108.775

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/ 1 cổ phiếu

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 VND	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.137.571.639	3.647.393.498
+ Doanh thu hoạt động đào tạo	4.825.177.000	1.563.620.000
+ Doanh thu nhà hàng, khách sạn	1.160.322.216	781.808.331
+ Doanh thu khác	152.072.423	1.301.965.167
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	6.137.571.639	3.647.393.498

2. Giá vốn hàng bán

	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 VND	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009 VND
+ Giá vốn hoạt động đào tạo	1.332.536.332	1.085.371.819
+ Giá vốn nhà hàng, khách sạn	884.001.062	203.803.583
+ Giá vốn hoạt động khác	-	268.386.091
Cộng	2.216.537.394	1.557.561.493

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MÃU SỐ B 09-DN
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

3. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 VND	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009 VND
Lợi nhuận trước thuế	1.177.580.252	56.179.197
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	-
Thu nhập chịu thuế	1.177.580.252	56.179.197
<i>Thu nhập từ hoạt động đào tạo</i>	<i>2.449.563.800</i>	<i>-</i>
<i>Thu nhập từ hoạt động khác</i>	<i>(1.271.983.548)</i>	<i>56.179.197</i>
<i>Lỗi các năm trước chuyển sang</i>	<i>(1.058.529.905)</i>	<i>-</i>
Thu nhập chịu thuế sau khi bù trừ	119.050.347	56.179.197
Thuế suất hiện hành	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	29.762.587	14.044.799
Thuế TNDN được giảm	14.881.294	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	14.881.293	14.044.799

4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 VND	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.162.698.959	42.134.398
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	6.108.775	6.108.775
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	190	7

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và thông tin tài chính khác

Công ty đang làm thủ tục xin chuyển đổi hơn 7.000 m² đất đầu tư trường học và ký túc xá sang kinh doanh khách sạn Sara nên không được hưởng ưu đãi về tiền thuê đất. Theo đó, Công ty sẽ phải nộp khoản tiền thuê đất theo quy định cho diện tích đất kinh doanh khách sạn trên.

2. Sự kiện phát sinh sau ngày lập báo cáo

Không có sự kiện phát sinh sau ngày lập Báo cáo tài chính cần điều chỉnh hoặc công bố trên thuyết minh Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MÃU SỐ B 09-DN
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)

3. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan với Công ty

Các Công ty cũng bị kiểm soát bởi chủ tịch Hội đồng quản trị là Ông Trần Khắc Hùng

1. Công ty CP SARA Việt Nam
2. Công ty CP đầu tư & phát triển công nghệ SARA
3. Công ty CP Media
4. Công ty CP đầu tư CK SARA
5. Công ty CP Thiết bị Tổng hợp Máy văn phòng SARA

b. Giao dịch với các bên liên quan

	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 VND
<u>Cho mượn</u>	
Công ty CP SARA Việt Nam	499.835.000
<u>Thu hồi tiền cho mượn</u>	
Công ty CP SARA Việt Nam	225.227.602
c. Số dư với các bên liên quan	

	30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
<u>Phải thu</u>		
Công ty CP SARA Việt Nam	6.953.767.882	7.178.995.484
Công ty CP đầu tư & phát triển công nghệ SARA	596.251.912	596.251.912
<u>Phải trả</u>		
Công ty CP SARA Việt Nam	499.835.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MÃU SỐ B 09-DN
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 01/01/2010 trên Bảng Cân đối kế toán là số trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán và Kế toán Hà Nội. Số liệu cho giai đoạn từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009 trên Báo cáo Kết quả hoạt kinh doanh và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ được lấy trên Báo cáo Kết quả kinh doanh và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009 của Công ty chưa được kiểm toán hoặc soát xét. Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của Báo cáo tài chính cho giai đoạn này.

Lưu Thị Thu Hiền
Tổng Giám đốc
Ngày 14 tháng 8 năm 2010

Đào Thị Trà
Kế toán trưởng